TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày: 07/3/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Huy Hùng.
-*Các Hội thẩm nhân dân:*
1.Bà Đặng Thị Vui- Phó Chủ tịch UBMTTQ phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, nguyên là giáo viên tiểu học.
2. Bà Phạm Thị Dung, giáo viên đã nghỉ hưu.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phùng Thị Oanh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Tiến Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: **Vũ Thanh L**, tên gọi khác: Sơn; sinh ngày 20 tháng 11 năm 1989 tại Q. Y, Quảng Ninh. Nơi cư trú: Thôn 11, thị xã Q. Y, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị Ch; có vợ là Nguyễn Thị H sinh năm 1989 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2010; tiền án: Ngày 27/11/2009 TAND huyện Y. H (nay là thị xã Q. Y) xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 43 tháng về tội "Cố ý gây thương tích"; Ngày 26/9/2013 TAND thị xã Q. Y xử phạt 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Ngày 04/5/2016 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương, tiền sự: không; bị cáo bị bắt ngày 09/8/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Hữu Đ**, tên gọi khác: không có; sinh ngày 22 tháng 02 năm 2001 tại Q.Y, Quảng Ninh. Nơi cư trú: Khu Khe Nước, phường C, thị xã Q.

Y, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L và bà Lê Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hữu Đ ông Nguyễn Văn L là bố đẻ của bị cáo; địa chỉ: Khu Khe Nước, phường C, thị xã Q. Y, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. Họ và tên: **Bùi Huy T**, tên gọi khác: không có; sinh ngày 04 tháng 5 năm 1984 tại Q.Y, Quảng Ninh. Nơi cư trú: Số nhà 59, khu 2, phường Q, thị xã Q.Y, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Huy V và bà Lê Thị P; vợ, con: chưa có; tiền án: Ngày 31/12/2010 TAND huyện Y. H (nay là thị xã Q. Y) xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Ngày 20/9/2013 TAND thị xã Q. Y xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 26/12/2015 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương, tiền sự: không; bị cáo bị bắt ngày 25/9/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại*: Chị Hà Thị Thúy H, sinh năm: 1996.
Địa chỉ: Khu Thống Nhất 2, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05/6/2017, chị Hà Thị Thúy H, sinh năm 1996 và chị Đinh Thị T, sinh năm 1998 đều trú tại khu Thông Nhất 2, xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ đến nhà chị Nguyễn Thị Thương sinh năm 1995 ở khu Mai Hòa, phường Đ, thị xã Q để nhờ chị Thương xin việc hộ. Tại đây chị H, chị T có quen biết Vũ Thanh L là bạn của chị T, nên tối ngày 06/6/2017 chị H, chị T, chị Th và L có đi chơi về khuya. Đến rạng sáng ngày 07/6/2017 thì chị H, chị T về nhà Luận chơi và ngủ lại nhà Luận. Buổi trưa cùng ngày, chị H, chị T nhờ Luận chở ra Quốc lộ 18A để đón xe khách về Phú Thọ. L gọi điện cho bạn là bùi Huy T hỏi mượn xe, nhưng T không có xe nên T nhờ Nguyễn Hữu Đ là người làm thuê cho quán chè của gia đình T mượn xe máy của bạn Đ đến nhà đón L. Khoảng 13 giờ cùng ngày Đ chở L, H, T từ thị xã Q đi về hường thành phố U thì trời mưa to, tất cả vào quán nước của chị Nguyễn Thị T tại khu N, phường N. K, thành phố U để trú mưa. Thấy chị H có để 01 túi xách và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng hồng trên bàn uống nước, L bảo Đ "Tý mày lấy điện thoại của con cao gầy cho anh" rồi chỉ tay về phía chị H,

khi chị H và chị T đi vào nhà vệ sinh của quán để thay quần áo thì Đ lấy điện thoại và túi xách của chị H đang để trên bàn rồi lên ngồi sau xe máy do L điều khiển đi về thị xã Q. Trên đường đi thấy Đ cầm túi xách và điện thoại, L bắt Đ mang túi xách về trả cho chị H, còn L đứng đợi. Khoảng 15 phút sau Đ quay lại đón L và nói muốn lấy điện thoại của chị H để sử dụng, thì L bảo Đ đưa L 2.000.000đ, Đ đồng ý rồi chở L đến nhà Bùi Huy T, sinh năm 1984, trú tại khu 2, phường Q. Y. Khoảng 15 giờ cùng ngày T, Đ và L gặp nhau ở nhà nghỉ "Bình Minh" thuộc phường Y, thị xã Q. Tại đây T thấy Đ mua của L một chiếc điện thoại Iphone 6 Plus với giá 2.000.000đ, Đ đưa trước cho L 700.000đ và cầm điện thoại, hẹn buổi tối trả tiếp 1.300.000đ. Khoảng 23 giờ cùng ngày, tại quán chè của gia đình T thấy L gọi Đ nhiều lần để đòi tiền, T lấy điện thoại Iphone 6 Plus mà Đ mua của L để kiểm tra thấy máy lưu tài khoản Icloud nên không sử dụng bình thường được. T hỏi Đ về nguồn gốc chiếc máy và hỏi điện thoại bị lưu Icloud mà sao mua đắt thế. Đ nói với T "Điện thoại này L ăn trộm của mấy đứa con gái. Hay anh cho em gửi cái máy này". T đồng ý và nói "Sao không nói sớm, thế mày đưa anh cầm hộ, có gì lấy lại sau". Sau đó T cầm điện thoại về nhà để sử dụng khoảng 20 phút rồi để máy trên bàn trong phòng ngủ rồi đi chơi. Sáng ngày 08/6/2017 bà Lê Thị P (mẹ T) thấy chiếc điện thoại đã cất đi. Đến ngày 22/9/2017 biết nội dung sự việc bà P đến Công an thành phố U giao nộp chiếc điện thoại trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 34 ngày 20/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố U, kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng hồng đã qua sử dụng có giá là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

Đối với chiếc xe máy Đ và L sử dụng để đi Đ khai do mượn của một người bạn mới quen biết, không rõ lai lịch, địa chỉ, quá trình điều tra không làm rõ được. Đối với chiếc túi xách của chị H sau khi nhận lại từ Đ, chị H đã bỏ đi, Cơ quan điều tra không định giá được, chị H cũng không có yêu cầu, đề nghị gì, nên không đề cập.

Tại Cáo trạng số: 13/CT-VKSUB-QN ngày 25/01/2018, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Vũ Thanh L về tội: ***"Trộm cắp tài sản"***, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; Nguyễn Hữu Đ về tội: ***"Trộm cắp tài sản"*** theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; Bùi Huy T về tội: ***"Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có"*** theo điểm đ khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản và chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có đúng như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vũ Thanh L, Nguyễn Hữu Đ phạm tội ***"Trộm cắp tài sản"***, bị cáo Bùi Huy T phạm tội ***"Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có"***; đề nghị HDXX:

- Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 3, Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Vũ Thanh L từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 09/8/2017.

-Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS năm 2015; xử phạt bi cáo Bùi Huy T từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 25/9/2017.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3, Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Giao bị cáo Nguyễn Hữu Đ cho Ủy ban nhân dân phường C, thị xã Q. Y, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Đ thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

-Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Vũ Thanh L và Bùi Huy T là những người không có tài sản, không có thu nhập, nên đề nghị HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho 02 bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ là người phạm tội dưới 18 tuổi, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

-*Về trách nhiệm dân sự*: đã được giải quyết trong giai đoạn điều tra, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

-*Về xử lý vật chứng:* Đề nghị HĐXX trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh dương, bên trong có lắp sim số 0981.239.076 và truy thu của bị cáo Luận 700.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc định tội: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Vũ Thanh L và Nguyễn Hữu Đ đều khai nhận: Vào trưa ngày 07/6/2017 Đ có mượn xe mô tô của

bạn để chở L, chị H, chị T từ xã S, thị xã Q. Y lên thành phố U để chị H, chị T đón xe khách về Phú Thọ, sau đó L nói với Đ tý nữa lấy điện thoại của chị H đưa cho L. Khi đi đến khu vực tổ 6, khu N. T, phường N, thành phố U thì trời mưa to, nên cả bốn người vào quán nước của chị T để uống nước. Do bị ướt quần áo, nên chị H, chị T vào nhà nhà vệ sinh của quán nước để thay quần áo và có để túi xách cùng điện thoại trên bàn uông nước. Lợi dụng sơ hở của chị H, Đ đã dùng tay lấy trộm chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu trắng hồng của chị H, sau đó cả hai đi về phía thị xã Q, trên đường về Đ có bảo L để chiếc điện thoại đó cho Đ sử dụng và đồng ý trả cho L 2.000.000đ, nhưng vì chưa có đủ tiền, nên Đ đã trả trước cho L 700.000đ và hẹn tối cùng ngày sẽ trả nốt 1.300.000đ. Đến tối ngày 07/6/2017 Đ có kể cho T việc Đ và L trộm cắp điện thoại của chị H, sau đó Đ nhờ T cất giữ hộ thì T đồng ý cầm điện thoại để chơi khoảng 20 phút rồi mang về để trên bàn trong phòng ngủ nhà T và đi chơi. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp nhau, với lời khai của bị hại và lời khai của những người làm chứng, với vật chứng vụ án, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[1.1] Khoảng 13 giờ ngày 07/6/2017, tại quán nước của chị Nguyễn Thị T, thuộc tổ 6, khu N. T, phường N, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, Vũ Thanh L và Nguyễn Hữu Đ có hành trộm cắp của chị Hà Thị Thúy H 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu trắng hồng trị giá 12.000.000đ. Hành vi vi của các bị cáo Vũ Thanh L và Nguyễn Hữu Đ đã cấu thành tội ***"Trộm cắp tài sản"***; bị cáo L phạm tội lần này thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm", nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, nay là điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015; bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, nay là điểm g khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

[1.2] Bùi Huy T biết chiếc điện thoại này do L và Đ trộm cắp mà có, nhưng vẫn đồng ý cầm và cất giữ hộ Đ. Hành vi của bị cáo Bùi Huy T cấu thành tội ***"Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có"***, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm", nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[2] Về hình phạt:

[2.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo có nhận thức đầy đủ về hành vi mình thực hiện, nhưng với bản chất coi thường pháp luật, lười lao động thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác đã là nguyên nhân dẫn các bị cáo L, Đ vào con đường phạm tội. Bị cáo T biết

rõ tài sản do L và Đ trộm cắp mà có, nhưng vẫn cất giữ hộ Đ. Vì vậy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm, nhất thiết bắt bị cáo Vũ Thanh L và Bùi Huy T phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục các bị cáo.

[2.2] Xét vai trò và nhân thân của các bị cáo trong tội ***"Trộm cắp tài sản"*** thì thấy: L và Đ thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm L là người rủ rê, xúi giục Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên L giữ vai trò chính trong vụ án. Lần phạm tội này của L thuộc trường hợp Tái phạm nguy hiểm, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, nên mặc dù giá trị tài sản bị cáo cùng đồng phạm trộm cắp có giá trị dưới 50 triệu đồng, nhưng bị cáo vẫn bị truy tố, xét xử theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 BLHS năm 2015.

[2.3] Đối với bị cáo Đ lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội đang trong độ tuổi vị thành niên nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên cho bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo đang là học sinh, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ tác dụng răn đe bị cáo và phù hợp với nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại các Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015.

[2.4] Bị cáo T phạm tội lần này thuộc trường hợp Tái phạm nguy hiểm, nên phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Vì vậy việc truy tố, xét xử bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 2, Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[3.1] Bị cáo L xúi giục Đ là người dưới 18 tuổi phạm tội, nên bị cáo L phải chịu tình tiết tăng năng theo quy định tại điểm o, khoản 1, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Đ và T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải với hành vi đã thực hiện, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Riêng bị cáo Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015).

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000^{đ} (Năm triệu đồng) đến 50.000.000^{đ} (Năm mươi triệu đồng) và quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 3.000.000đ đến 30.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là

phạt tiền đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Đ là người phạm tội dưới 18 tuổi, nên không áp dụng.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Tài sản đã được thu hồi, trả lại cho bị hại. Tại phiên tòa hôm nay bị hại vắng mặt, nhưng trong giai đoạn điều tra đều không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, nên HĐXX không đề cập.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Chiếc điện thoại di động Nokia 105 màu xanh dương, bên trong lắp sim số 0981.239.076 Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo L, xác định không liên quan đến tội phạm, nên trả lại cho bị cáo. Đối với số tiền 700.000đ bị cáo Đ đưa cho bị cáo L để mua điện thoại, L đã ăn tiêu hết, xác định đây là số tiền do phạm tội mà có, nên buộc bị cáo L phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[7] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. <u>*Tuyên bố*</u>: Các bị cáo **Vũ Thanh L, Nguyễn Hữu Đ** phạm tội: "***Trộm cắp tài sản***"; bị cáo **Bùi Huy T** phạm tội: ***"Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".***

Áp dụng: Điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm o, khoản 1, Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3, Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

<u>*Xử phạt*</u>: **Vũ Thanh L 30** (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 09/8/2017.

<u>*Áp dụng*</u>: khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3, Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

<u>*Xử phạt*</u>: **Nguyễn Hữu Đ 06** (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Hữu Đang cho Ủy ban nhân dân phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối

hợp với Ủy ban nhân phường Cộng Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

(*Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được áp dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án hình sự*).

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Bùi Huy T 24** (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 25/9/2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Vũ Thanh L phải nộp lại 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho bị cáo Vũ Thanh L 01 điện thoại di động Nokia 105 màu xanh dương, bên trong lắp sim số 0981.239.076 *(Có tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/01/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).*

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Buộc các bị cáo Vũ Thanh L, Nguyễn Hữu Đ, Bùi Huy T, mỗi phải nộp 200.000^{đ} (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các bị cáo; bị hại;
-Người đdhp cho bị cáo;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Huy Hùng

Áp dụng: khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; (Bị cáo còn được áp dụng: Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015).

Xử phạt Nguyễn Văn Thân 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ: Ngày 20-10-2017.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Khoản 1; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu cho tiêu huỷ 01 phong bì hoàn lại sau giám định số: 674/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh hoàn lại sau giám định; 01 ống thủy tinh uốn cong một đầu (ống thủy tinh có bầu tròn, trong bầu tròn có dính chất keo màu đen) không có giá trị sử dụng.

+ Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Thân số tiền 1.400.000^{đ} (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng và đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 3, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23, Danh mục án phí, lệ phí Toà án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Thân phải nộp 200.000^{đ} (Hai trăm ngàn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 17 tháng 01 năm 2018./.

CÁC HỘI THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ